

Sự tranh luận về trống đồng

Trong việc nghiên cứu trống đồng, nhà khảo cổ học người Áo Franz Heger phân biệt được 4 loại như sau :

Trong loại I, trống đồng rất bệ vệ và gồm có 3 phần riêng biệt: chân hình nón cụt, thân trống hình trụ thẳng đứng hay nghiêng một tí và tang phình ra đều kết thúc với mặt trống bằng một viền quanh. Các trống đồng loại I Heger thường thuộc cuối thời đại đồ đồng thau từ thế kỷ thứ nhất và thứ hai sau Công Nguyên. Trên mặt trống thường có các hoa văn (người, cá, thuyền, nhà sàn vân vân..) và các vòng tròn đồng tâm. Một ngôi sao (mặt trời) nổi cao lên ở trung tâm của mặt trống với nhiều tia. (Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Sông Đà, Thượng Lâm, Quảng Xương vân vân..). Có tới 4 đôi quai ở thân trống dùng để treo hay di chuyển.

Trong loại II, mặt trống chồm khỏi tang trống và có tượng cóc trên mặt trống. Còn thân trống thì gồm hai phần: một phần thẳng hơi loe về phía dưới và một phần tròn phía trên chịu đựng mặt trống. Những chiếc trống này được phát hiện tại khu vực nhà ở của dân tộc thiểu số Mường. Trong loại I và II các quai có một vai trò quan trọng. Trên mặt trống thường có 4 hoặc 6 con tượng cóc thậm chí còn có rùa hay voi nữa nhưng thường đi ngược với các kim đồng hồ. Các hoa văn hình được trang trí nhiều cho đến nỗi không còn nhận ra được. Loại này được trông thấy ở Vietnam, miền nam Trung Hoa và quần đảo Mã Lai.

Trong loại III, chỉ còn có thấy tượng cóc trên mặt trống mà thôi và cũng đi ngược với kim đồng hồ. Thân hình trống dài ra đến bệ dưới mà không có loe ra. Các quai thì nhỏ lại và xinh xắn. Các trống này thường thấy ở phía tây của dãy núi Trường Sơn, Thái Lan, Lào, Miến Điện và Vân Nam.

Còn loại IV thì đây là các bản sao của loại I đôi khi còn có các chữ Trung Hoa. Thường trông thấy ở Vân Nam. Các trống đồng này thường có vóc dáng nhỏ nhắn. Ngôi sao ở giữa mặt trống thường có mười hai tia tương ứng với 12 con vật địa chi. Thường thấy ở Vietnam nơi vùng biên giới với các dân tộc thiểu số Lolo/Pupe.

Nói chung, việc trang trí trên mặt trống mới có nhiều thông tin chi tiết nhất là loại I của trống đồng: các chiến binh trang bị nỏ và lao, các hình người đội mũ lông chim, các vũ công thổi khèn hay chơi castanet, các phụ nữ đang giã gạo trong cối, các con cá, các con chim điệu hóa, các con hươu, các cuộc đua thuyền, các nghi thức tang lễ. Đối việc trang trí trên trống, chúng ta nhận thấy có sự khác biệt nhiều từ trống này qua trống khác nhất là về chủ đề và hình các con thú. Thứ tự trong việc trang trí có vẻ tùy tiện. Chúng ta nhận thấy có rất nhiều trống không có trang trí trên thân trống chi cả. Ngược lại không phải trong trường hợp trên mặt trống. Việc trang trí các vòng tròn có tâm đều có một cấu trúc như nhau từ trống này sang trống khác. Ngược lại tính cách dùng tượng hình tìm thấy trên mặt của các trống đồng đầu tiên (Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Sông Đà, Cổ Loa vân vân..) được biến chuyển từ từ qua trừu tượng và hình học. Tuy vậy cấu trúc của trống nhất là việc định hướng của nó vẫn giữ được nhờ sự hiện diện của các vòng có tối thiểu ít nhất là 4 con chim. Vì vậy mặt trống mang tính chất thiêng liêng và trống đồng có lý do được chế tạo. Theo bà Cathérine Noppe, người quản đốc ở bảo tàng viện B i Mariemont, trống Đồng Sơn là nguồn gốc của một số hình dáng đặc thù nhận ra được ở mức độ trang trí. Trong tiết mục hình học, người ta tìm thấy các chấm, các vòng tròn, các hình tam giác, các hình thoi, các đường thẳng và các đường xoắn ốc. Các hình vòng tròn đồng tâm và các đường thẳng dùng để phân chia trang trí thành những vùng chính xác trên các

trống đồng hay là các bình chứa. Chính nhờ thế mà càng làm sáng tỏ và dễ đọc. Đây là điều rất cần thiết để xác định một cảnh vật thông thường có rất nhiều hoa văn người và thú. Trong các cuộc thảo luận và các văn bản, người ta thường có khuynh hướng chú ý nhiều đến việc xác định niên đại và trang trí. Cho đến ngày nay, các nhà khảo cổ Việt Nam vẫn nghĩ rằng việc phân loại của ông Heger vẫn còn có hiệu lực vì đối với họ tiêu chuẩn cơ bản vẫn là việc trang trí. Càng xinh đẹp, càng phức tạp và đa dạng các họa tiết được thấy trên trống đồng thì dễ chứng minh được nguồn gốc của nó. Vì vậy họ đề nghị phân loại Heger I ra nhiều loại phụ qua các chi tiết. Nhưng không được sự đồng ý của các nhà học giả Trung Hoa từ khi họ kiếm ra được một số trống đồng ở miền nam Trung Hoa (Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông). Hơn nữa họ cho rằng nguồn gốc của trống đồng phải dựa trên việc đơn giản trong trang trí và kích thước. Lúc đầu họ rất chia rẽ trên việc phân loại Heger vì mối quan hệ khu vực (giữa những nhà học giả Quảng Tây và Vân Nam), họ thương lượng để thành công trong việc thống nhất các quan điểm bằng cách thừa nhận việc phân loại Heger lại nhưng họ thêm vào đó một loại mà họ gọi là « Pre Heger I » từ khi họ khám phá được nhiều trống đồng ở Vạn Gia Bá (Vân Nam) mà họ cho là thuộc về « Pre Heger I » vào năm 1975 và 1976. Họ khẳng định rằng các trống đồng này có trước các trống đồng Đồng Sơn (Ngọc Lũ, Sông Đá, Hoàng Hạ vân vân ..) dựa trên thí nghiệm đo độ phóng xạ carbone các vật dụng trong tang lễ được khám phá cùng trống đồng. Đối với họ các tiêu chuẩn được xem xét để biết tuổi trống đồng là như sau: mặt trống phải rộng, thân trống phải bớt đi từ 3 phần xuống 2 phần và trang trí bớt phức tạp. Không có sự hoài nghi nào cả vì các trống đồng đó xuất phát từ Vân Nam. Khốn nỗi việc biến hộ của họ không được cộng đồng khoa học thế giới công nhận mà luôn cả các nhà khảo cổ Việt Nam. Theo các người này, việc xác định niên đại của các đồ tang lễ qua đo độ phóng xạ carbone không thể vì lẽ lỗi quá cao khoảng 235 năm với cuộc thí nghiệm mà họ thực hiện trên một mảnh gỗ cũng xuất phát từ một quan tài. Ngoài ra còn có các yếu tố khác cần phải xem xét lại. Chẳng hạn như trường hợp trống đồng tìm được ở một ngôi mộ Việt Khê. Với cách đo độ phóng xạ carbone thì ngôi mộ có tuổi 2480+-100 năm trước 1950 CE hay là 530 trước thời kỳ chung BCE. Nhưng nếu dựa trên phong cách trang trí, trống đồng này được chế tạo giữa thế kỷ thứ 3 và 4 trước thời chung BCE. Ngoài chuyện phóng xạ đo độ carbone, còn nhận thấy sự bất đồng của hai giới cộng đồng khoa học Việt và Hoa trong việc giải thích trang trí. Việc này rất quan trọng nhất là nhờ đó các nhà khảo cứu mới tìm lại được sự liên kết sắc tộc và địa lý vì nó phản ánh đời sống tâm linh của dân tộc sáng tạo ra trống đồng. Mỗi bên (Việt Nam cũng như Trung Hoa) cố gắng đưa ra lời giải thích của riêng mình trên loài chim cao cẳng, con ếch và chiếc thuyền.

Con chim cao cẳng.

Loại chim bay này thấy ở trên trống đồng với một cái mỏ dài và đôi chân dài rất quen thuộc với người dân Việt, đó là con cò hay con chim lạc. Đây cũng là sự hiển nhiên được thấy nó ở trên trống đồng vì nó tiêu biểu cho sự cần cù và siêng năng của người Việt cổ. Nó là một người bạn đồng hành trong cuộc sống hằng ngày của họ. Thường thấy nó với người dân Việt trên các ruộng lúa. Nó cũng là vật tổ của người Việt. Nhờ sự nghiên cứu ngôn ngữ gần đây, từ ngữ Văn Lang dùng để nhắc đến vương quốc của các vua Hùng thời kỳ Đồng Sơn chỉ là phiên âm tiếng Hoa từ chữ xưa trong ngôn ngữ của chúng Nam Á: vlang để ám chỉ con chim to cao cẳng. Cũng cần nhớ lại tên của thị tộc Hùng thường biết dưới tên « Hồng Bàng » cũng dùng để chỉ con chim cao cẳng có liên hệ với con cò. Còn bên người Hoa, con chim cao cẳng này được xem là con chim tháp tùng theo người chết (hay nghe nói cõi hạc qui tiên). Đây là một truyền thống lâu đời thường thấy ở trang trí trống với các hoa văn hình con hạc ở đồng bằng trung tâm của Trung Hoa. Việc truyền bá

cái tín ngưỡng này bắt đầu du nhập vào Sở Quốc rồi sau đó lan rộng xuống miền nam nước Trung Hoa. Đây mới là ảnh hưởng của người Hoa.

Con cóc

Con cóc cũng được thấy thường ở trên trống đồng nhất là ở loại Heger 1 thời kỳ muộn (thế kỷ 1 và 2 sau công nguyên). Các nhà khảo cứu người Hoa xem các con cóc này dùng để trang trí cho đẹp mặt trống đồng chứ không có ý nghĩa gì sâu xa cả. Ngược lại, với người dân Việt, sự hiện của nó trên mặt trống làm họ nghĩ rằng trống đồng có thể dùng làm trống để cầu khẩn thần mưa vì theo phong tục người dân Việt có sự liên hệ mật thiết giữa các con vật này với ông Trời:

Cóc nhái là cậu ông Trời
Ai mà đánh nó ông Trời đánh cho.

Sự hiện diện của các con vật này cũng dễ hiểu vì đây là tín ngưỡng chung của các dân tộc ở Nam Á. Tiếng kêu của nó báo hiệu trời sẽ sắp mưa rất cần thiết cho ruộng đồng.

Chiếc thuyền

Với người Hoa, chiếc thuyền thường được nhắc đến một truyền thống lâu đời của các cuộc đua nghi lễ hằng năm trên sông ở nước Sở thời Chiến Quốc. Phong tục này nhằm để tưởng nhớ nhà thi sĩ nổi tiếng Khuất Nguyên. Ông đã tự tử vào năm 278 trước Công Nguyên để tố cáo sự tham nhũng ở thời ông khiến nước Sở bị thôn tính về sau bởi nước Tần. Còn với người Việt thì không có sự thống nhất về sự nhận xét. Có một nhóm người đồng ý với người Hoa bằng cách chọn chủ đề là « thuyền chèo » vì có những chi tiết được thấy ở trên các trống đồng như các trống Sông Đà, Miếu Môn, Làng Vạc vân vân... nhưng nhóm còn lại nghĩ đến các nghi thức trong tang lễ. Đây cũng là quan điểm mà được nhà khảo cứu Pháp Victor Golubew biện hộ (1929) qua các ví dụ dân tộc học người Dayak (Bornéo) mà nay trở thành là một lý lẽ nổi bật trong các bài viết phổ biến. Phong tục này được áp dụng cho đến ngày nay bởi người dân Dayak họ định cư thưa xưa ở bờ biển phía đông của Đông Dương. Họ tin rằng ở giữa biển có một đảo bí ẩn mà tổ tiên của họ được hưởng hạnh phúc tột bậc. Chính chiếc thuyền vàng đó (thuyền cổ nhân) mà được thấy ở trên các trống đồng Hoàng Hạ và Ngọc Lũ với các chiến binh trang bị máy chèo và lúc nào cũng sẵn sàng chống lại quỷ ma ở thế giới bên kia. Chủ đề thần bí này dựa trên chuyện thờ bái tang lễ, một phong tục mà người Dayak đã in trong trong tâm khảm, một ngày nào họ sẽ trở về thiên đường xa xôi nhờ chiếc thuyền ma này khi họ trở thành người thiên cổ. Lễ chiêu hồn được người Dayak cử hành mỗi năm ở Bornéo. Với các mộ thuyền ở Việt Khê, cũng không làm ta ngạc nhiên chi về truyền thống này.

Ngoài sự bất đồng ý kiến về việc trang trí, còn có một yếu tố thường gây ra sự tranh đua đưa ra nhiều giả thuyết. Đó là ngôi sao nổi bật ở trung tâm của mặt trống đồng. Số tia sáng thay đổi từ trống này qua trống khác. Trên trống Ngọc Lũ thì có 14 tia còn trên Hoàng Hạ có thêm 2 tia tức là 16 tia. Còn trống ở Vienne (Áo Quốc) chỉ có 12 tia. Rất không thể cho đây là một ngôi sao vì họ không thể nào thấy một ngôi sao nào lớn hơn ngôi sao này họ thấy ở trên trời. Chỉ có một ngôi sao lớn hơn tất cả mà chung quanh ngôi sao đó diễn ra các cuộc sống hằng ngày của họ theo nhịp điệu của các mùa. Có thể không gì khác hơn ngoài mặt trời ? Trong một xã hội canh nông, con người rất cần mặt trời và mưa vì để đất được phì nhiêu và có được thu gặt tốt đẹp. Nhà khảo cổ Pháp Madeleine Colani, người khám phá ra văn hóa Hoà Bình năm 1926 cũng cùng quan điểm này khi nói đến chuyện sùng bái mặt trời ở Đông Dương. Nhưng giả thuyết này bị nhà nhân chủng và sử học người Úc Helmut Loofs-Wissova bác bỏ. Ông này cho rằng các

tam giác xuyên tâm không phải là yếu tố thụ động trong việc trang trí. Đừng nghĩ đây là một ngôi sao mà phải xem các hình tam giác này là một sản phẩm của sự khác biệt « chia ra từng khu ». Ông còn coi các trống đồng này như quyền trượng. Ông biện minh sự rải rác các trống đồng ở nhiều nơi bởi sự mong muốn của các thủ lĩnh địa phương muốn có được ân sủng của thẩm quyền nghi lễ (chớ không phải chính trị) ở miền bắc Vietnam đâu đó và có quyền lực ban cho họ trống đồng cũng như chức vị giáo hoàng ở phương tây với quyền trượng. Nhưng giả thuyết này không thể biện chứng bởi sự hiện diện của các vòng tròn đồng tâm thường thấy rất nhiều ở trên các đồ trang sức và vũ khí của các chiến binh thường cải trang thành các thần linh nhất là được coi như là các biểu tượng « héliaques » trong nghệ thuật tiền sử của phương tây (trên các đồ đồng của Caucasus và Tây Ban Nha). Hơn nữa sau khi thôn tính Giao Chỉ, sự phân phối các trống đồng vẫn còn tiếp tục ở Đông Nam Á. Khó mà tưởng tượng ở trên lãnh thổ bị thôn tính này có một quyền lực chính trị hay tôn giáo nào độc lập mà không có sự đồng ý của người Hán. Những người này là những người hủy diệt các trống đồng theo chính sách của Mã Viện làm gì dùng các trống này như quyền trượng. Mặc dầu giả thuyết này có phần hấp dẫn nhưng nó không có thuyết phục được ai cả. Theo tin ngưỡng của dân tộc Nam Á, trống đồng không chỉ là một nhạc cụ thiêng liêng mà còn là một linh vật sống. Nó còn nam tính vì vậy nó được người Việt gọi là « trống ». Bởi vậy người ta thường ám chỉ gà đực bằng gà trống hay gà sống. Cũng như dao của người Việt, nó cũng được nuôi dưỡng với máu, rượu và cơm. Thịnh thoàng nó được đánh thức trong các nghi lễ qua tiếng vang của dùi đánh vào giữa mặt trống, nơi mà có mặt trời tượng trưng cho động lực của sự sống. Chính linh hồn và sức mạnh thần diệu của nó cũng ở nơi này. Vì mang tính chất « dương », trống đồng thường đi kèm với cồng chiêng (với tính chất Âm). Người dân Mường, anh em gần gũi của người dân Việt thường xem cồng chiêng là tiêu biểu bộ ngực của người đàn bà trong các nghi lễ. Trống có trách nhiệm bảo vệ không những ngôi làng mà còn cả thị tộc hay bộ tộc nữa nhưng phải chứng minh tính hợp pháp của bộ tộc trong việc sở hữu và nuôi dưỡng nó một cách đều đặn. Đôi khi uy tín của nó có thể vượt xa quỹ đạo khu vực và nó có khả năng chiêu dụ và huy động đáng kể. Nó có thể biểu lộ sự tức giận với các lời than trách qua một người già trong làng thường thấy với dân tộc Cơ Tư ở dãy núi Trường Sơn mà nhà nhân chủng học Yves Goudineau kể lại trong bài ông viết về trống đồng.

Ở miền bắc Vietnam và ở tỉnh Vân Nam có một tục lệ lạ thường. Vì trống đồng được xem là một vật linh thiên nên trống cũng có ngày sinh nhật nhưng cũng có thể bị giết bằng cách đâm thủng ở giữa của mặt trống nơi mà có mặt trời. Hủy diệt trống như thế người ta nghĩ rằng sẽ giết không những linh hồn của nó mà luôn cả quyền lực của bộ tộc sở hữu nó để tránh sự báo thù. Đây cũng là sự giải thích thái độ của Mã Viện trong chính sách trấn áp tàn khốc sau khi thôn tính Giao Chỉ « Đổng Trụ triệt, Giao Chỉ diệt ». Có phải ám chỉ trống đồng không ? Cũng vì vậy mà thường thấy lại các trống đồng bị đâm thủng ở giữa mặt trống trong các cuộc khai quật khảo cổ.

Đặng Anh Tuấn

Références bibliographiques

Xiao Rong Han: The Present Echoes of the Ancient Bronze Drum: Nationalism and Archeology in Modern Vietnam and China, Explorations in Southeast Asian studies, 1998, Volume 2, no 2.

Joseph Buttinger : The smaller dragon: a political history of Viet Nam, Praeger, 1958.

Christine Nguyen Tri: La conquête de l'espace chinois sous les Qin et les Han 221 avant notre ère-220 de notre ère. Cahiers du CEHD, n° 34).

E. Gaspardone: Matériaux pour servir à l'histoire de l'Annam" (BEFEO, 1929)
Cung Đình Thanh: Trống Đồng Đông Sơn, Tập San Tư Tưởng, số 18, 2002
Catherine Noppe: La civilisation Đông Sơn et son rayonnement. Le Vietnam à l'âge du bronze. Le Vietnam des Royaumes. Cercle d'art. Paris, 1995
Yves Goudineau: Tambours de bronze et circumambulations cérémonielles. BEFEO. Année 2000, Volume 87, no 87-2, pp: 553-578
Deniker: Les races et les peuples de la terre, 1926, p 607.
Madeleine Colani: Vestiges d'un culte solaire en Indochine. BIEH, III, 1/2, 1940
Alain Thote: Origine et premiers développements de l'épée en Chine. Comptes-rendus des séances de l'Académie des Inscriptions et Belles Lettres, année 2003, volume 147, no2, pp 703-802
Hà Văn Tấn: Nouvelles recherches préhistoriques et protohistoriques au Vietnam. BEFEO, Tome 68, 1980. pp: 113-154.